

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi

Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/220 ngày 11/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến H - sinh năm 1989. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: xã K, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị T - sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã K, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: xã L, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2020, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Tiến H trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến H và chị Trần Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Khê, huyện

Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về kinh tế. Bản thân chị T đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đối với gia đình nhà chồng chị T không có sự tôn trọng. Hiện nay chị T đang ở nhà mẹ đẻ tại thôn 8, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa và vợ chồng đã sống ly thân tháng 3 năm 2020 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tiến D - sinh ngày 21/12/2014. Nguyên vọng của anh H khi ly hôn: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được nuôi con và anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu D thành niên

- Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai ngày 21/10/2020, quá trình giải quyết bị đơn chị Trần Thị T trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị T thừa nhận như anh Nguyễn Tiến H trình bày về điều kiện, thời gian và địa điểm kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng cũng đôi lúc bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Trong thời gian vợ chồng chung sống nhiều lần anh H nhấn tin, qua lại và có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Việc anh H nói chị T từng có tiền án, tiền sự là không đúng. Tiền lương hàng tháng anh H đưa cho chị không đều, trung bình từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ một tháng, với số tiền đó chỉ đủ để nuôi con chứ không thể tiết kiệm được, anh H không quan tâm gì đến vợ con và gia đình. Từ đầu năm 2020 đến giờ vợ chồng ít gặp nhau do dịch bệnh và do anh H bận đi học, anh H chỉ về nhà có 01 lần nhưng do chị đi công tác nên vợ chồng không gặp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về kinh tế. Hiện nay chị đang ở nhà mẹ đẻ tại thôn 8, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Từ tháng 05 năm 2020 đến nay, hai vợ chồng không ở cùng nhau, không gặp nhau và không ai quan tâm đến ai. Nay anh Nguyễn Tiến H có đơn xin ly hôn, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tiến D - sinh ngày 21/12/2014

Nguyên vọng của anh H khi ly hôn: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được nuôi con và anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng

2.000.000đ kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu D thành niên. Chị Trần Thị T đồng ý.

- Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Dương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ điều 51,56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận anh Nguyễn Tiến H được ly hôn chị Trần Thị T. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tiến D và anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu D thành niên. Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Tiến H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tiến H khởi kiện về việc xin ly hôn với chị Trần Thị T và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến H có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Như vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tiến H và chị Trần Thị T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến H và chị Trần Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Khê, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/01/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị T cho rằng anh H nhiều lần nhấn tin qua lại và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, tiền lương hàng tháng đưa cho chị không đều để nuôi con và không quan tâm đến gia đình, từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng ít gặp nhau, anh H chỉ về nhà một lần và chị đi công tác nên không gặp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau về kinh tế. Anh H cho rằng chị T từng có tiền án, tiền sự, bản thân chị T không có sự tôn trọng gia đình nhà chồng. Từ tháng 05 năm 2020 đến nay hai vợ chồng không ở cùng nhau, không gặp nhau và không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị T không thể hàn gắn được nữa. Anh H xin ly hôn, chị T không đồng ý, nhưng chị T cũng không tìm ra giải pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Vì vậy xử cho anh Nguyễn Tiến H được ly hôn chị Trần Thị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tiến D - sinh ngày 21/12/2014.

Nay ly hôn anh H có nguyện vọng giao con cho chị Trần Thị T nuôi và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) kể từ tháng 11 năm 2020, cho đến khi cháu Nguyễn Tiến D thành niên. Chị Trần Thị T đồng ý. Vì vậy thấy cần giao cháu Nguyễn Tiến D cho chị T nuôi dưỡng và anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu Nguyễn Tiến D thành niên là phù hợp.

[4] Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Tiến H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Tiến H.

Xử:

- **Về hôn nhân:** Anh Nguyễn Tiến H được ly hôn chị Trần Thị T.

- **Về con chung:** Anh Nguyễn Tiến H và chị Trần Thị T có 01 con chung là Nguyễn Tiến D - sinh ngày 21/12/2014.

Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tiến D. Anh Nguyễn Tiến H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu Tiến D thành niên.

Anh Nguyễn Tiến H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- **Về tài sản, công nợ:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Tiến H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng anh H phải nộp 600.000đ án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002206 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Anh Nguyễn Tiến H còn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai vắng mặt chị Trần T và anh Nguyễn Tiến H. Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Khê, H Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy